

Số: /KH-SNV

Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 2664/UBND-TH ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc đề cương báo cáo kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025, Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

PHẦN I

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 - 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTXH 2016-2020

1. Công tác cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 24-KH/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC và Chương trình cải cách hành chính tổng thể giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 136-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020*”, Sở Nội vụ đã tham mưu ban hành Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 31/10/2016 triển khai Nghị quyết số 136-NQ/TU, trong đó, xác định 04 mục tiêu và 44 nhiệm vụ cụ thể giao cho các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên kiện toàn¹ Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả chỉ đạo, điều hành CCHC, phân công rõ nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách theo phạm vi của ngành, lĩnh vực, đồng thời tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Hàng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh duy trì tổ chức hội nghị giao ban với Giám đốc Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC² của các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Hàng năm, đánh giá, chấm điểm và công bố kết quả Chỉ số CCHC của các sở, ngành, huyện, thành phố, qua đó giúp các cơ quan, địa phương thấy được những điểm mạnh, những hạn chế, tồn tại và có biện pháp khắc phục kịp thời. Đồng thời, góp phần cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của cấp tỉnh do Bộ Nội vụ công bố hàng năm. Chỉ số CCHC (PAR INDEX) năm 2016, 2017 xếp

¹ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 22/3/2016

² Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 07/02/2017, Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 06/7/2018.

thứ 13/63, năm 2018 xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2016 xếp thứ 33/63, năm 2017 xếp thứ 30/63, năm 2018 xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2016 đạt 37,77 điểm, nằm trong nhóm 16 tỉnh, thành phố đứng đầu, năm 2017 đạt 37,17 điểm, nằm trong nhóm trung bình cao, năm 2018 đạt 46,83 điểm, thuộc nhóm đạt điểm cao nhất (mục tiêu đến năm 2020 xếp thứ 10-15 tỉnh đứng đầu trong cả nước). Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước không ngừng được nâng cao.

Tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra về công tác CCHC, ISO và ứng dụng CNTT trên địa bàn các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh. Kết quả từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Tổ kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC, ISO, CNTT đã thực hiện 78 cuộc kiểm tra đối với 252 lượt cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch; Sở Nội vụ thực hiện kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 225 lượt cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Công tác tổ chức biên chế và tổ chức phi chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch³ triển khai và chỉ đạo tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng về tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ, kinh phí hoạt động, đồng thời, phê duyệt phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, biên chế các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp; kết quả cụ thể như sau:

- Rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đảm bảo tinh gọn tổ chức bên trong gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tinh giản biên chế, giảm số lượng cấp phó theo quy định của Chính phủ; không thành lập tổ chức mới. Qua rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy đã giảm một số phòng chuyên môn so với trước⁴; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện cơ bản giữ ổn định từ 12-13 cơ quan (06 huyện, thành phố có 12 phòng, ban; 04 huyện miền núi có 13 phòng, ban (thêm Phòng Dân tộc).

Trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã sắp xếp, giảm được 142 đơn vị sự nghiệp⁵ công lập, thông qua đó đã góp phần tinh gọn bộ máy các đơn vị sự nghiệp, tiết kiệm chi thường xuyên, giảm số lãnh đạo quản lý và nhân viên trong các đơn vị sự nghiệp, cụ thể như sau:

³ Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 21/10/2016, Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU.

⁴ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch (mỗi cơ quan giảm 01 phòng).

⁵ Giảm: 62 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 80 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: Sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đối với những xã, phường, thị trấn có từ 02 trường trở lên còn 01 trường/01 đơn vị. Rà soát, sáp nhập các trường tiểu học, trung học cơ sở có quy mô số lớp nhỏ thành trường tiểu học và trung học cơ sở (liên cấp). Giải thể Trung tâm Dạy nghề thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên đoàn lao động tỉnh.

- Lĩnh vực Y tế: Sáp nhập Trung tâm Giám định pháp y, Trung tâm Giám định Y khoa vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Thành lập Trung tâm Y tế đa chức năng cấp huyện thuộc Sở Y tế (trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế, Trung tâm Dân số huyện). Trung tâm Y tế đa chức năng trực tiếp quản lý trạm y tế cấp xã và phòng khám đa khoa khu vực (nếu có).

- Lĩnh vực KH&CN: Sáp nhập Trung tâm Thông tin thống kê KH&CN; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn ĐLCL thuộc Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL vào Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN, thuộc Sở KH&CN.

- Lĩnh vực văn hóa, TTDL: Thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao cấp huyện trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Đài Truyền thanh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Ban Quản lý di tích lịch sử cấp huyện.

- Lĩnh vực sự nghiệp khác: Sáp nhập Trung tâm Xúc tiến thương mại vào Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công thương; sáp nhập Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần vào Trung tâm Công tác xã hội thuộc Sở LĐTBXH; giải thể Phòng công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp, giải thể Trung tâm Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi tỉnh; thành lập Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Tổng hợp trực thuộc UBND cấp huyện trên cơ sở tổ chức lại 03 tổ chức: Trạm Thú y; Trạm Bảo vệ thực vật thuộc Sở NNPTNT và Trạm khuyến nông. Chuyển chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi thú y và bảo vệ thực vật vào Phòng NNPTNT thuộc UBND cấp huyện. Đánh giá, tổ chức lại mô hình hoạt động của Đội quản lý trật tự giao thông xây dựng và môi trường cấp huyện.

Chuyển 01 đơn vị thành công ty cổ phần là Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp thuộc Ban Quản lý các KCN tỉnh. 07 đơn vị thực hiện tự chủ 100% từ năm 2018 đến hết năm 2020 chuyển thành công ty cổ phần, gồm: Bến xe khách Bắc Giang; Trường Trung cấp nghề GTVT; Trung tâm Kiểm định kỹ thuật phương tiện thiết bị giao thông cơ giới thuộc Sở GTVT; Trung tâm Giống nấm Bắc Giang thuộc Sở NNPTNT; Trung tâm quy hoạch xây dựng; Trung tâm giám định chất lượng xây dựng công trình thuộc Sở Xây dựng; Trung tâm Kỹ thuật TNMT thuộc Sở TNMT.

Việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp trong các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố được thực hiện đúng quy định của Nhà nước. Số biên chế được giao cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ và được cắt giảm, tinh giản theo quy định từng năm, đến nay tỷ lệ giảm đạt 7,8%⁶.

⁶ Năm 2020, tổng số biên chế là 41.051 (giảm 3.479 biên chế so với đầu nhiệm kỳ, đạt tỷ lệ 7,8%, bao gồm cả số tinh giản biên chế và số cắt giảm theo quy định); trong đó số biên chế hành chính là 2.001 (giảm 316 biên

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218 về Kế hoạch của Chính phủ cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tinh giản biên chế. Theo đó, công tác tinh giản biên chế phải được thực hiện gắn liền với việc giao chỉ tiêu biên chế; công tác tuyển dụng; sắp xếp lại tổ chức bộ máy; phân loại, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu nhằm thực hiện mục tiêu giai đoạn 2015 - 2021, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương tinh giản tối thiểu là 10% biên chế so với biên chế được giao năm 2015.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng Đề án Tinh giản biên chế và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 về việc phê duyệt đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021. Theo đó toàn tỉnh có **35** cơ quan, đơn vị, địa phương có đề án tinh giản biên chế được phê duyệt. Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/7/2015 về thực hiện chính sách tinh giản biên chế từ năm 2015 đến hết năm 2021. Căn cứ vào Quyết định và Kế hoạch của UBND tỉnh, hàng năm, Sở Nội vụ - cơ quan tham mưu, chủ trì về công tác tinh giản biên chế đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện của Đề án.

Đến nay, tổng số biên chế nghỉ tinh giản của tỉnh là **1.452** người (khối công chức hành chính: 71 người; khối sự nghiệp: 1.503 người; khối cấp xã: 327 người; hợp đồng 68: 01 người). Cụ thể:

- Năm 2015: 144 người.
- Năm 2016: 297 người.
- Năm 2017: 392 người.
- Năm 2018: 205 người.
- Năm 2019: 217 người.
- 06 tháng đầu năm 2020: 197 người.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 99/2012/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND tỉnh; Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu

ché), biên chế công chức cấp xã 4.938 (giảm 348 biên chế); biên chế sự nghiệp 34.112 (giảm 2.815 biên chế so với đầu nhiệm kỳ).

trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý; chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

3. Công tác xây dựng chính quyền

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, trình HĐND tỉnh, Chính phủ và UBNDTVQH thông qua Nghị quyết⁷ sắp xếp, sáp nhập 40 đơn vị hành chính cấp xã thành 19 đơn vị hành chính cấp xã mới, giảm 21 đơn vị hành chính cấp xã (hiện nay toàn tỉnh còn 209 xã, phường, thị trấn), ước giảm 460 biên chế cán bộ, công chức cấp xã, giảm 420 người hoạt động không chuyên trách, giảm ngân sách 120 tỷ/năm; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 18/12/2019 thực hiện Nghị quyết số 813/NQ-UBNDTVQH14 và chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn UBND các huyện kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và các nội dung liên quan để chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/3/2020.

Tham mưu ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; theo đó, giảm số chức danh cán bộ không chuyên trách cấp xã từ 21 xuống còn 16 chức danh; số người hoạt động không chuyên trách cấp xã giảm từ 22 xuống còn 13 người với xã loại I, 12 người với xã loại II, giảm xuống 10 đối với xã loại III. Đối với thôn, tổ dân phố, số chức danh giảm từ 6 xuống còn 3 chức danh, số người giảm từ 6 xuống còn 3 người; số người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố còn 10 người/10 chức danh.

Tham mưu Nghị quyết sắp xếp, sáp nhập 639 thôn, tổ dân phố (trong đó 475 thôn, TDP chưa đạt 50% quy mô số hộ gia đình) thành 347 thôn, TDP, giảm 292 thôn, TDP, hiện toàn tỉnh còn 2.132 thôn, TDP. Sau sáp nhập, tổng số người hoạt động không chuyên trách và người làm công tác đoàn thể ở thôn, tổ dân phố giảm 5.200 người (2.400 người hoạt động không chuyên trách, 2.800 người làm công tác đoàn thể) và giảm ngân sách khoảng 30 tỷ đồng/năm.

Tham mưu ban hành Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và cán bộ khuyến nông, thú y cơ sở nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc; Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn⁸ (thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND), góp phần giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; giảm số lượng chức danh, giảm số cán

⁷ Nghị quyết số 813/NQ-UBNDTVQH14 ngày 21/11/2019 của UBNDTV Quốc hội.

⁸ theo đó số lượng chức danh cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn giảm từ 21 xuống 16 (giảm 05 chức danh); số lượng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố giảm từ 06 xuống 03 (giảm 03 chức danh).

bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; lựa chọn bố trí những người có uy tín, năng lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

4. Công tác quản lý công chức, viên chức, đào tạo, bồi dưỡng

Trong những năm qua các cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm, chú trọng đến công tác đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể như:

Tổ chức rà soát, xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Đến nay, toàn tỉnh có 1.957 cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên, trong đó trình độ đại học trở lên là 1.907 người (97,4%); số viên chức có mặt là 33.928 người, hầu hết đạt chuẩn theo quy định; cán bộ, công chức cấp xã gồm 4.864 người trong đó, cán bộ chuyên trách: 2.259 người; công chức cấp xã: 2.605 người; số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn là 4.864/4.864 (đạt 100%), tăng 3,18% so với đầu nhiệm kỳ.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của 22 Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, 10 huyện, thành phố (tổng số 1.085 danh mục vị trí việc làm); phê duyệt danh mục Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc 17 Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, 10/10 huyện, thành phố (tổng số gồm 817 danh mục, trong đó vị trí lãnh đạo quản lý: 235 danh mục; vị trí gắn chuyên môn, nghiệp vụ: 403 danh mục, vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ phục vụ: 179 danh mục). Xác định vị trí việc làm là nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách chế độ công vụ, công chức, là cơ sở để xác định chỉ tiêu biên chế, cơ cấu ngạch và tiêu chuẩn chức danh công chức, để tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức hiệu quả, đổi mới công tác đánh giá công chức, viên chức theo kết quả làm việc và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Công tác tuyển dụng có nhiều đổi mới, đã thực hiện xác định cơ cấu tuyển dụng theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng; đã chú trọng tuyển dụng người tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị. Kết quả từ năm 2016 đến nay đã tổ chức 09 đợt, tuyển dụng được 3.037 công chức, viên chức (công chức 28 người, viên chức 3.009 người) và 322 công chức cấp xã.

Đối với thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo hình thức cạnh tranh có số dư⁹. Để đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, Sở Nội vụ đã chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp¹⁰. Việc tổ chức nâng

⁹ Năm 2016 tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên và tương đương 44 người, cử 51 người thi nâng ngạch chuyên viên chính, cử 02 người thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, cử 42 viên chức thi thăng hạng chuyên ngành y tế; thăng hạng chức danh nghề nghiệp 04 viên chức. Năm 2017, tổ chức thi thăng hạng lên hạng III 310 viên chức ngành y tế, kết quả có 296 thí sinh đạt. Năm 2018, tổ chức thi nâng ngạch lên chuyên viên chính 59 người, kết quả 47 người trúng tuyển; ngạch chuyên viên và tương đương 29 người, kết quả 21 người trúng tuyển; thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính 22 người, kết quả 16 người trúng tuyển; tổ chức xét thăng hạng lên hạng II giáo viên 1.593 người, kết quả, 1465 người đạt, 128 người không đạt.

¹⁰ Năm 2018, 2019 tổ chức 20 lớp bồi dưỡng cho 2.000 học viên.

ngạch, thăng hạng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị bố trí đúng vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh do nhà nước quy định, đồng thời khuyến khích, động viên đội ngũ công chức, viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; nội dung đào tạo, bồi dưỡng đã được chú trọng đổi mới, phù hợp với vị trí, chức danh của cán bộ, công chức, viên chức. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã tổ chức 898 lớp bồi dưỡng cho 95.605 học viên, trong đó ưu tiên bồi dưỡng nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn đối với lãnh đạo cấp phòng; kiến thức quản lý hành chính nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở; bồi dưỡng Đại biểu HĐND cấp xã; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh; bồi dưỡng công chức làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác CCHC ...

5. Công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho Sở Nội vụ thành lập các Đoàn kiểm tra đột xuất việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Sở Nội vụ đã tổ chức kiểm tra đột xuất 225 lượt cơ quan, đơn vị, địa phương, thực hiện 22 cuộc thanh tra chuyên ngành về công tác cán bộ, 38 cuộc kiểm tra công tác cán bộ, qua kiểm tra đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những hạn chế, kiến nghị xử lý các vi phạm, góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm và ý thức phục vụ người dân, tăng chất lượng, hiệu quả công việc.

Sở tổ chức rà soát, hệ thống hóa các văn bản quản lý ở đơn vị, của ngành phục vụ công tác phòng chống tham nhũng; công tác rà soát, hệ thống văn bản tập trung vào xử lý những văn bản không còn phù hợp, xây dựng văn bản mới hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật và Luật phòng, chống tham nhũng; việc rà soát, sửa đổi các văn bản, quy chế, quy trình quản lý tập trung vào việc thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng cụ thể: Công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở; Công tác xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; Công tác minh bạch tài sản, thu nhập; Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban, chi cục khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí; Công tác Cải cách hành chính; đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán. Kết quả giải quyết TTHC của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã: Năm 2016 toàn tỉnh tiếp nhận 1.465.452 hồ sơ TTHC, đã trả kết quả đúng và trước hạn: 1.459.493 hồ sơ, trả quá hạn: 5.959 hồ sơ. Năm 2017 toàn tỉnh tiếp nhận 1.138.102 hồ sơ, đã trả kết quả đúng và trước hạn: 1.135.774 hồ sơ, trả quá hạn: 2.328 hồ sơ. Năm 2018 toàn tỉnh tiếp nhận 956.069 hồ sơ, đã trả kết quả

đúng và trước hạn: 953.395 hồ sơ, trả quá hạn: 2.674 hồ sơ. Năm 2019: toàn tỉnh tiếp nhận 741.468 hồ sơ, đã trả kết quả đúng và trước hạn: 738.462 hồ sơ, trả quá hạn: 3.006 hồ sơ.

6. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo

Thực hiện Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 08/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Kế hoạch số 2149/KH-UBND ngày 28/6/2017 triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Kế hoạch số 37/KH-UBND, ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh về công tác đối với đạo Tin lành trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020. Tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành Quyết định số 130/2018/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 17/2015/QĐ-UBND quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc tôn giáo hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cụ thể: Hỗ trợ đối với các tổ chức tôn giáo các ngày lễ trọng, Đại hội, Hội nghị nhiệm kỳ giáo xứ và hỗ trợ tổ chức tôn giáo Hội nghị tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Hỗ trợ đối với chức sắc các tôn giáo ốm đau phải điều trị ở bệnh viện, bệnh hiểm nghèo hoặc phải đại phẫu thuật; Chi phúng viếng khi chức sắc các tôn giáo qua đời; trợ cấp thường xuyên đối với chức sắc các tôn giáo hàng tháng; Mua bảo hiểm y tế hàng năm cho các chức sắc các tôn giáo;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có chức năng về tín ngưỡng, tôn giáo; UBND các huyện, thành phố biên tập và xuất bản 3.752 cuốn Bản tin tôn giáo Bắc Giang gửi đến các xã, phường, thị trấn; các vị chức sắc, chức việc các tôn giáo. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh, chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức 20 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 4.485 lượt chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo trên địa bàn các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 54/KH-BNV, ngày 05/7/2016 của Bộ Nội vụ về công tác đối với đạo Tin lành 2016-2020. UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND, ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh về công tác đối với đạo Tin lành trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020. Kết quả đã tổ chức 25 Hội nghị cho 6.088 lượt tín đồ đạo Tin lành và quần chúng nhân dân trên địa bàn các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

7. Công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

Ngành Nội vụ đã tham mưu giúp UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh chỉ đạo, thống nhất và cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tham mưu chỉ đạo tổ chức tốt việc phát động, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, nội dung thi đua. Do vậy, phong trào thi đua yêu nước trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về bề rộng và chiều sâu trong từng lĩnh vực đời sống xã hội, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 178/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND

tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục – đào tạo, khoa học – kỹ thuật, văn hóa – văn nghệ, văn học – nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Công tác khen thưởng có nhiều đổi mới, đã chú trọng khen thưởng nhiều các tập thể, cá nhân trực tiếp làm việc, lao động sản xuất, tập thể nhỏ, những đối tượng vùng sâu vùng xa, có nhiều khó khăn phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ... Từ năm 2016 đến nay đã thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng: Huân chương Lao động các loại cho 56 tập thể, 96 cá nhân; Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Mẹ Việt Nam anh hùng” cho 66 cá nhân; Huy chương kháng chiến cho 7 cá nhân; Cờ thi đua của Chính phủ: 52 tập thể; Cờ thi đua của UBND tỉnh: 426 tập thể; Tập thể lao động xuất sắc: 1.562 tập thể; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh: 397 cá nhân; Bằng khen: 2.228 tập thể, 3.218 cá nhân.

8. Công tác quản lý nhà nước về văn thư lưu trữ

Thực hiện Luật Lưu trữ năm 2011 và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ, ngành Nội vụ tỉnh Bắc Giang đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 về Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh; Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về ban hành Danh mục hồ sơ, tài liệu thuộc diện nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về Quy chế khai thác và sử dụng tài liệu tại kho Lưu trữ lịch sử; Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 về việc phê duyệt “Đề án Chính lý tài liệu tồn đọng tại các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2019-2023”; Kế hoạch phát triển ngành văn thư, lưu trữ tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030... Đồng thời tham mưu quản lý thống nhất công tác văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn tỉnh và bảo vệ, bảo quản an toàn, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Giang.

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ ngành Nội vụ thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, nắm bắt tình hình tại các cơ quan đơn vị thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ lịch sử, UBND cấp xã, phường, thị trấn. Làm tốt công tác thu thập, chỉnh lý khoa học tài liệu lưu trữ, công tác bảo quản, khai thác, sử dụng hồ sơ tài liệu lưu trữ cho độc giả tại Kho lưu trữ đạt hiệu quả, rõ ràng, thiết thực, từng bước hiện đại hóa; phát huy được giá trị của tài liệu.

9. Các nhiệm vụ công tác khác

Ngành nội vụ đã chấp hành đầy đủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất, có kiến nghị, đề xuất với cấp trên đảm bảo chất lượng, chính xác và đúng thời gian quy định.

Các cơ quan, đơn vị trong ngành nội vụ đã phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức biết và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" cho toàn thể công chức, viên chức, nhất là việc tổ chức tuyên truyền, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, ý nghĩa của cuộc vận động ở các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng; công khai minh bạch trong việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và quản lý tài chính, tài sản công; Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nội vụ phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ; duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Thời gian qua, ngành Nội vụ đã bám sát chương trình công tác của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, đồng thời hoàn thành tốt các nhiệm vụ do UBND tỉnh và Bộ Nội vụ giao đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Bộ Nội vụ.

Đội ngũ công chức, viên chức của ngành luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, xác định rõ chức trách, nhiệm vụ được giao, chủ động trong thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, tham gia nhiệt tình các hoạt động đoàn thể; không có việc làm trái và vi phạm pháp luật.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả, thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, kịp thời bãi bỏ những thủ tục hành chính rườm rà; cơ chế một cửa, một cửa điện tử, một cửa liên thông được duy trì thực hiện tốt góp phần công khai hoá, minh bạch hoá các quy định về thủ tục hành chính, giảm phiền hà, thời gian chờ đợi cho người dân và tổ chức, đồng thời ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thay đổi theo hướng chuyên nghiệp hơn.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cấp, các ngành thường xuyên được rà soát, ban hành kịp thời, nội dung quy định cụ thể, rõ ràng, không chồng chéo; hệ thống các văn bản về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Công tác tuyển chọn cán bộ quản lý có tác dụng tốt vừa đảm bảo tính định hướng lãnh đạo của Đảng vừa phát huy dân chủ, trí tuệ của đội ngũ cán bộ. Công tác đánh giá người đứng đầu được thực hiện đồng nhất, nghiêm túc, công bằng và hiệu quả nâng cao được ý thức trách nhiệm của người đứng đầu.

Chính quyền cơ sở ổn định, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị đối với địa phương; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày được nâng lên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được đổi mới theo hướng chuyển từ bồi dưỡng thường xuyên sang bồi dưỡng theo chức danh và vị trí việc làm; việc tuyển dụng công chức, viên chức được áp dụng thông qua thi tuyển, sát hạch về chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành được đào tạo ở các trường chuyên nghiệp phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Một số công chức, viên chức của ngành chưa phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình đối với công việc được giao; trong quá trình tổ chức, thực hiện có lúc chưa kịp thời; đề xuất giải quyết công việc đôi khi chưa sâu và còn thụ động.

Công tác rà soát, công bố, công khai thủ tục hành chính lĩnh vực Nội vụ ở một số đơn vị còn chậm, chưa kịp thời; chất lượng thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa điện tử, một cửa liên thông ở một số địa phương chưa cao, việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn quá hạn.

Thực hiện phân cấp quản lý công tác tổ chức, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành và địa phương chưa nghiêm túc, còn vi phạm thẩm quyền về điều động, tiếp nhận công chức, viên chức, hợp đồng lao động không theo quy định.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự gắn với bố trí, sử dụng nên hiệu quả chưa rõ, chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:

Một số văn bản của cấp trên ban hành nhằm cụ thể hóa Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và hướng dẫn thực hiện các nghị định của Chính phủ về công tác công chức, viên chức còn chậm hoặc chưa thống nhất nên khó thực hiện.

Một số cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương, đơn vị.

Một số cán bộ, công chức nhà nước và cán bộ, công chức cơ sở chưa thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, chưa tự giác học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác.

PHẦN II

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 - 2025

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả công tác nội dung trong 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đánh giá những kết quả nổi bật ở từng lĩnh vực công tác, đồng thời chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và những giải pháp đã thực hiện;

- Xây dựng định hướng, nhiệm vụ, nội dung công tác nội vụ 05 năm tới giai đoạn 2021 - 2025, trong đó xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện ở từng lĩnh vực công tác; giải pháp và tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Bám sát sự chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành và tình hình thực tiễn của ngành.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN 5 NĂM 2021-2025

1. Công tác cải cách hành chính

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang hàng năm; xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, ISO, ứng dụng CNTT tại các sở, ngành, UBND cấp huyện.

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; thường xuyên rà soát các TTHC, đơn giản hóa quy trình, thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian giải quyết, ứng dụng hệ thống phần mềm một cửa liên thông các cấp, giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC

Tiếp tục triển khai phần mềm theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC (PAR Index) của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Thường xuyên rà soát các tiêu chí, tiêu chí thành phần không đạt điểm tối đa hoặc không đạt điểm để có kế hoạch khắc phục, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Bộ Chỉ số CCHC.

2. Công tác tổ chức biên chế và TCPCP

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII và Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị; Trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định chấp thuận nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của người đứng đầu các sở, cơ quan, chủ tịch UBND huyện, thành phố. Báo cáo Bộ Nội vụ Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch biên chế HCSN hàng năm ; xây dựng kế hoạch biên chế năm tiếp theo.

Tham mưu UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên

chế và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 213/2010/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm tỉnh Bắc Giang.

3. Công tác công chức, viên chức

Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công tác quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp; bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm kết hợp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng; đổi mới công tác tuyển dụng, tuyển chọn, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Tham mưu xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, phân loại cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đánh giá đúng người, đúng việc, đúng vị trí việc làm dựa trên hiệu quả và chất lượng công việc nhằm động viên, khuyến khích và giữ được cán bộ, công chức, viên chức có năng lực tốt. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thông qua hình thức tuyển chọn.

4. Công tác xây dựng chính quyền và CTTN

Tham mưu thực hiện tốt Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang;

Tham mưu giúp Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tham mưu triển khai thực hiện công tác bầu cử trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đảm bảo đúng quy định của pháp luật: ban hành các loại văn bản, thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử, tổ chức tập huấn nghiệp vụ, giúp cho công tác bầu cử diễn ra an toàn, liên tục, đúng luật.

Giúp UBND tỉnh thực hiện tốt công tác sắp xếp đội ngũ cán bộ công chức cấp xã và cán bộ khuyến nông, thú y xã dôi dư theo quy định của Chính phủ và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, phối hợp luân chuyển, tiếp nhận những đội viên Đề án 500 tri thức trẻ; xây dựng chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bắc Giang giai đoạn mới.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách pháp luật về lĩnh vực Nội vụ đối với các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập được UBND tỉnh phân cấp; UBND các huyện, thành phố trong đó tập trung thanh tra các nội dung liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương về công tác phòng, chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong cơ quan nhằm nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, nâng cao vai

trò của cán bộ, công chức, viên chức tham gia phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, coi trọng công tác hòa giải và đối thoại trực tiếp với công dân trong giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao chất lượng, hiệu quả xác minh giải quyết các vụ việc bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, tuân thủ quy trình và bảo đảm thời gian giải quyết các vụ việc theo đúng quy định của pháp luật

6. Công tác thi đua, khen thưởng

Tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào do Trung ương phát động.

Triển khai, đôn đốc thực hiện Kế hoạch tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X; Xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức Đại hội thi đua cấp tỉnh và chuẩn bị các điều kiện tổ chức Đại hội.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các diễn đàn về các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm hay, mô hình mới để học tập làm theo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên cũng toàn thể nhân dân trong tỉnh.

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua, làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng đảm bảo khách quan, công bằng, tránh tràn lan. Chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân trực tiếp làm việc, lao động sản xuất, nhất là đội ngũ trí thức, nông dân, công nhân lao động,... tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng con người mới.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị nhằm làm tốt chức năng tham mưu, tư vấn, đề xuất cho cấp uỷ đảng, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

7. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo

Tiếp tục thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 08/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 2149/KH-UBND ngày 28/6/2017 triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật. Chú trọng quản lý đất đai cơ sở thờ tự của các tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về phong chức, thuyên chuyển chức sắc, nhà tu hành, đăng ký và báo cáo các hoạt động thường xuyên và đột xuất của các tổ chức tôn giáo với các cấp chính quyền, làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại có liên quan đến hoạt động tôn giáo. Xử lý kịp thời các hoạt động tôn giáo trái pháp luật như truyền đạo, tuyên truyền các tà đạo và hoạt động mê tín

dị đoan. Quản lý tốt hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức này hoạt động trong phạm vi đã được Nhà nước cho phép, không để tổ chức này lợi dụng viện trợ để truyền đạo trái pháp luật.

8. Công tác quản lý nhà nước về Văn thư-Lưu trữ.

Tiếp tục tham mưu thực hiện tốt Luật Lưu trữ, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; tham mưu các văn bản triển khai, hướng dẫn quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Tiếp nhận, thẩm định đối với hồ sơ đề nghị tiêu hủy tài liệu hết giá trị; tổ chức mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và triển khai công tác văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức. Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ lưu trữ trên địa bàn tỉnh; Tăng cường các biện pháp thu nhận tài liệu từ các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu; tiếp tục sắp xếp, xác định lại giá trị đối với các Phong tài liệu đang bảo quản tại Kho lưu trữ theo luật quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, bảo quản an toàn, phục vụ tốt độc giả đến tra cứu, khai thác và sử dụng tài liệu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị trong ngành căn cứ Kế hoạch này quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong phòng, đơn vị; đồng thời thực hiện cụ thể hóa các nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm của phòng, đơn vị.

2. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ phối hợp với các phòng, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ báo cáo kết quả theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 của Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, VP.

Bản điện tử

- Văn phòng Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở KH&ĐT;
- Phòng TH - VP Tỉnh ủy;
- Phòng NC, TH - VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Trưởng các phòng, ban, chi cục thuộc Sở;

GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Hùng